

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

*V/v tranh chấp ly hôn  
và nuôi con chung.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lư Trường Lâm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông **Trần Văn Phước**

Ông **Phan Văn Chiếu**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Danh Văn An** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 331/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc **“Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1988

Địa chỉ: Đội XX, thôn N, xã L, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Anh **Phan Thanh H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp M, xã V, Huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

*Chị N có đơn xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 11/11/2020, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:**

*Về hôn nhân:* chị N và anh Phan Thanh H tổ chức đám cưới và sống chung với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 17/9/2013. Lúc đầu gia đình sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì anh H không chí thú làm ăn, thường xuyên ăn chơi, không quan tâm, lo lắng cho gia đình. Vì vậy, chị N và anh H đã ly thân từ năm 2015 đến nay.

Chị N nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không tìm được tiếng nói chung, thời gian ly thân đã lâu nhưng không hàn gắn được; do đó chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

*Về con chung:* chị N và anh H có 02 con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày XX/YY/2013 và Phan Thanh M, sinh ngày XX/YY/2015. Khi ly thân, chị N nuôi dưỡng cháu M; anh H nuôi dưỡng cháu B. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu B. Mỗi người nuôi 01 con chung nên chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* chị N xác định chị và anh H không có tài sản chung, không có nợ chung; khi ly hôn chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

**Bị đơn anh Phan Thanh H** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó không ghi nhận được ý kiến của anh H đối với yêu cầu của chị N. Tòa án lập biên bản anh H vắng mặt hai lần tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định pháp luật.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho chị N ly hôn với anh H; giao con chung tên Phan Thanh M, sinh ngày XX/YY/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày XX/YY/2013 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị N yêu cầu ly hôn và anh H có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh H là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân:* chị N và anh H tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N yêu cầu ly hôn, Tòa

án đã thông báo và tổng đạt hợp lệ cho anh H thông báo thụ lý vụ án, thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H vắng mặt không lý do. Anh H cũng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Xét thấy hôn nhân cần dựa trên sự quan tâm, cùng nhau chia sẻ giữa hai người nhưng chị N và anh H đã không còn liên lạc với nhau từ lâu, không còn sống chung. Từ ngày ly thân năm 2015 đến nay, chị N và anh H không hàn gắn được tình cảm. Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng anh H không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc chị N yêu cầu ly hôn, cho thấy anh H có ý thức bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân với chị N. Thấy rằng hôn nhân giữa chị N và anh H đã đến mức trầm trọng, các bên không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận cho chị N ly hôn với anh H là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] *Về con chung*: chị N và anh H có 02 con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày XX/YY/2013 và Phan Thanh M, sinh ngày XX/YY/2015. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được nuôi cháu Thanh M và đồng ý để cháu Thanh B cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Tại thời điểm xét xử, cháu Thanh M đang sống cùng chị N, còn cháu Thanh B đang sống cùng anh H; con chung được ăn học và phát triển bình thường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Anh H cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi cháu Thanh M của chị N và chị N cũng đồng ý giao cháu Thanh B cho anh H nuôi dưỡng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Thanh M cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Thanh B cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về cấp dưỡng*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị N phải nộp 300.000đ, chị N đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009767 ngày 07/12/2020 được chuyển thu án phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các Điều 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

- 1.** Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phan Thanh H.

2. Về con chung: giao con chung Phan Thanh M, sinh ngày XX/YY/2015 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung tên Phan Thanh B, sinh ngày XX/YY/2013 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị N và anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: chị N phải nộp 300.000đ, chị N đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009767 ngày 07/12/2020 được chuyển thu án phí.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**(Đã ký)**

**Lư Trường Lâm**